

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG MẦM NON 22

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG MẦM NON 22

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Phạm Thị Lựu	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Đặng Thụy Ngọc Thủy	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
3	Đỗ Thị Kiều	Văn thư	Thư ký hội đồng	
4	Nguyễn Ngọc Tô Châu	Phó hiệu trưởng	Ủy viên hội đồng	
5	Vương Thị Mỹ Dung	Chủ tịch công đoàn Tổ trưởng chuyên môn nhà trẻ	Ủy viên hội đồng	
6	Mai Thị Ngọc Hoài	Bí thư chi đoàn	Ủy viên hội đồng	
7	Hà Thị Ánh Linh	Tổ trưởng chuyên môn Tổ mẫu giáo 4 - 5 tuổi	Ủy viên hội đồng	
8	Nguyễn Thị Thủy	Tổ trưởng chuyên môn Tổ mẫu giáo 5 - 6 tuổi	Ủy viên hội đồng	
9	Nguyễn Ngọc Sương	Tổ trưởng tổ văn phòng	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục.	01
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá.	03
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	05
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	10
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	10
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	12
Mở đầu	12
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	13
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	15
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	17
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	20
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	24
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	25
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	28
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	30
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	32
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	33
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	36
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	37
Mở đầu	37
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	37
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	40

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	43
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	45
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	46
Mở đầu	46
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	46
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	49
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị	51
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	53
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	54
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	57
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	58
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	59
Mở đầu	59
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	59
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức, cá nhân của nhà trường	61
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	64
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	64
Mở đầu	64
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	64
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	67
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	69
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	72
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	74
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	75
Phần IV. PHỤ LỤC	1-11

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x		
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x		
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x		
Tiêu chí 1.10		x		
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	
Tiêu chí 2.2		x		
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x		
Tiêu chí 3.3		x		
Tiêu chí 3.4		x		
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x		
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	

Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	

Kết quả: Đạt Mức 1.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non 22

Tên trước đây (nếu có): Trường Măng non 22

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Bình Thạnh
Xã / phường/thị trấn	22
Đạt CQG	Không
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1994
Công lập	x
Tư thực	Không
Dân lập	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không

Họ và tên hiệu trưởng	Phạm Thị Lựu
Điện thoại	028.38992007
Fax	Không
Website	mn22binhthanh.hcm.edu.vn
Số điểm trường	01 điểm chính
Loại hình khác	Không
Thuộc vùng khó khăn	Không
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	00	00	00	01	02
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	01 ghép	01 ghép	01	02	02
Số lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi	02	02	02	02	02
Số lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi	02	02	02	02	02
Số lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi	02	02	02	02	02
Cộng	07	07	07	09	10

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	07	07	07	11	11	
1	Phòng kiên cố	07	07	07	11	11	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
II	Khối phòng phục vụ học tập	01	01	01	02	02	

1	Phòng kiên cố	01	01	01	02	02	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Khối phòng hành chính quản trị	01	01	01	05	05	
1	Phòng kiên cố	01	01	01	05	05	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	01	01	01	01	01	
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	00	00	00	02	02	
	Cộng	10	10	10	21	21	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 9 năm 2023.

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	00	00	00	01	
Phó hiệu trưởng	02	02	00	00	00	02	
Giáo viên	19	19	00	00	05	14	
Nhân viên	10	08	00	03	07	00	
Cộng	32	30	00	03	12	17	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023
1	Tổng số giáo viên	15	15	12	18	19
2	Tỉ lệ trẻ em/ giáo	29/3	25/3	22/1=22	70/6	94/7

	viên (đối với nhóm trẻ)	= 9,66	= 8,33		= 11,66	=13,43
3	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	00	00	00	00	00
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	215/12 = 17,91	209/12 = 17,41	171/11 = 15,54	186/12 = 15,5	209/12 =17.04
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	02	01	04	03	00
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	00	00	00	00	00
7	Các số liệu khác (nếu có)	00	00	00	00	00

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	244	234	193	256	303	
	- Nữ	119	110	95	116	143	
	- Dân tộc	00	00	00	01	00	

	<i>thiếu số</i>						
2	Đối tượng chính sách	04	04	00	01	00	
3	Khuyết tật	00	00	00	00	00	
4	Tuyển mới	95	76	71	153	93	
5	Học 2 buổi/ngày	00	00	00	00	00	
6	Bán trú	244	234	193	256	303	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	$\frac{215}{6} = 35,83$	$\frac{209}{6} = 34,83$	$\frac{171}{6} = 28,5$	$\frac{186}{6} = 31,00$	$\frac{209}{6} = 34,8$	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	$\frac{29}{1} = 29,00$	$\frac{25}{1} = 25,00$	$\frac{22}{1} = 22,00$	$\frac{70}{3} = 23,33$	$\frac{94}{4} = 23,5$	
9	Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00	
	Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	11	00	00	20	40	
	Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	18	25	22	50	54	
	Trẻ em từ 3-4 tuổi	68	56	48	53	62	
	Trẻ em từ 4-5 tuổi	71	75	56	68	67	
	Trẻ em từ 5-6 tuổi	76	78	67	65	80	
10	Các số liệu khác (nếu có)	00	00	00	00	00	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non 22 được sáp nhập hợp nhất nhà trẻ Hoa Phượng 22 và mẫu giáo Măng non 22, lấy tên là trường Mầm non 22 theo Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 1994 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh gồm 2 cơ sở: Cơ sở 1 đặt tại số 18A đường Ngô Tất Tố, Phường 22, quận Bình Thạnh; cơ sở 2 đặt tại số 220 đường Võ Duy Ninh, Phường 22, quận Bình Thạnh.

Trường được xây mới và đưa vào hoạt động từ tháng 12/2022 tại địa chỉ 18A Phú Mỹ, Phường 22, quận Bình Thạnh, có 01 điểm với tổng diện tích 784,2m². Có 11 phòng học, 02 phòng chức năng, 01 phòng y tế, 01 nhà bếp, 01 phòng nhân viên, 01 phòng bảo vệ, 01 phòng tài vụ, 01 phòng hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng. Sân trường có nhiều mảng xanh, đồ chơi ngoài trời được trang bị đầy đủ theo quy định, đáp ứng nhu cầu chơi và hoạt động của trẻ.

Năm học 2023 - 2024, tổng số đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là 32 người. Trong đó: 03 cán bộ quản lý, 19 giáo viên, 10 nhân viên. Tổng số trẻ tính đến thời điểm tháng 09 năm 2023: 303 trẻ, được phân chia thành 11 nhóm lớp từ 19 - 36 tháng đến 5 - 6 tuổi, trong đó có 04 nhóm nhà trẻ và 07 lớp mẫu giáo. Với cơ sở vật chất khang trang, giáo viên yêu nghề, tận tâm, có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng sư phạm, nhà trường đã tạo được uy tín đối với lãnh đạo, các bậc cha mẹ trẻ và nhân dân địa phương, phấn đấu đóng góp tích cực vào hiệu quả giáo dục trên địa bàn phường.

Trong những năm qua, trường Mầm non 22 đã từng bước đầu tư nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Với sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ, nhà trường đã được công nhận danh hiệu tập thể lao động xuất sắc từ năm 2018 - 2023; bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố các năm học 2017 - 2018, 2019 - 2020, 2021 - 2022.

Theo kế hoạch năm học 2023 - 2024, nhà trường thực hiện việc tự đánh giá chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và công khai với Xã hội về thực

trạng chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhà trường để cơ quan có thẩm quyền đánh giá, công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Mục đích tự đánh giá

Mục đích của việc tự đánh giá giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Thông báo công khai với các cơ quan quản lý Nhà nước và Xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

Thông qua kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của trường. Từ đó, có biện pháp cải tiến, khắc phục phù hợp để cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp theo, nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quy định.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, trường Mầm non 22 thực hiện quá trình tự đánh giá như sau:

3.1. Ngày 01 tháng 8 năm 2023: Thành lập hội đồng tự đánh giá.

Họp hội đồng trường cùng thảo luận về mục đích, phạm vi và xác định các thành viên của hội đồng kiểm định chất lượng nhà trường. Hiệu trưởng ra Quyết định số 66/QĐ-MN22 ngày 01 tháng 8 năm 2023 thành lập hội đồng tự đánh giá của trường.

3.2. Ngày 05 tháng 8 năm 2023: Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

Xây dựng kế hoạch tự đánh giá, phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong hội đồng tự đánh giá.

3.3. Ngày 10 tháng 8 năm 2023: Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Thảo luận về những vấn đề phát sinh và xác định những minh chứng cần thu thập bổ sung, chỉnh sửa các nội dung của từng tiêu chí để lấy ý kiến góp ý. Thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá.

3.4. Ngày 20 tháng 8 năm 2023: Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá và các nội dung liên quan. Hội đồng tự đánh giá đề thông qua báo cáo tự đánh giá đã điều chỉnh, công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

3.5. Ngày 05 tháng 9 năm 2023: Viết báo cáo tự đánh giá.

Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo tự đánh giá. Bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá sau khi có các ý kiến góp ý. Đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng.

3.6. Ngày 15 tháng 9 năm 2023: Công bố báo cáo tự đánh giá.

Công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ nhà trường và gửi báo cáo tự đánh giá cho Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh.

3.7. Từ ngày 01 tháng 11 năm 2023: Thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng được đề ra trong báo cáo tự đánh giá đề cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Gửi báo cáo tự đánh giá cho Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh; Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh kèm theo công văn đề nghị được quan tâm, hỗ trợ trong quá trình thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng theo kế hoạch cải tiến chất lượng đã nêu trong báo cáo tự đánh giá. Cập nhật, bổ sung báo cáo tự đánh giá và thực hiện lưu trữ hồ sơ tại trường.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Nhận thức rõ tầm quan trọng của phát triển giáo dục mầm non, trường Mầm non 22 xây dựng phương hướng phát triển giáo dục mầm non tầm nhìn đến năm 2025 nhằm định hướng mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển. Nhà trường có cơ cấu tổ chức khoa học, quản lý các hoạt động nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo Điều lệ trường mầm non, phân chia trẻ đúng theo độ tuổi và 100% trẻ được học bán trú ở trường, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Trường thực hiện Quy chế dân chủ trong các hoạt động, quản lý tài chính, đảm bảo tính công khai minh bạch công tác quản lý.

Trường Mầm non 22 đã từng bước xây dựng, hoàn thiện bộ máy tổ chức và thực hiện tốt công tác quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có phương hướng chiến lược, xây dựng và phát triển, phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục nhằm phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp Một; phù hợp với nguồn lực của nhà trường theo từng giai đoạn và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của quận Bình Thạnh là: “Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của

tổ chức Đảng, trách nhiệm nêu gương của đảng viên, cán bộ, nhất là người đứng đầu; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; giữ vững kỷ luật, kỷ cương, phát huy truyền thống đoàn kết, năng động, sáng tạo, nghĩa tình; huy động mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường sống tốt cho người dân, xây dựng quận Bình Thạnh phát triển bền vững” [H1-1.1-01].

b) Phương hướng chiến lược, xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản và được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Phương hướng chiến lược, xây dựng và phát triển nhà trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại bản tin nhà trường, trong cuộc họp Hội đồng sư phạm và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học và triển khai đến cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường một cách cụ thể; phân công theo dõi, giám sát, tổng kết đánh giá phát huy ưu điểm và đưa ra biện pháp khắc phục những tồn tại trong việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường một cách đầy đủ và hiệu quả [H1-1.1-04].

Mức 3:

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường được định kỳ, rà soát, điều chỉnh vào mỗi năm học để xem xét tiến độ thực hiện [H1-1.1-05]. Hằng năm, có biên bản đánh giá kết quả thực hiện phương hướng chiến lược có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tuy nhiên, cha mẹ trẻ và cộng đồng chưa có sự tham gia đóng góp ý kiến vào phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non, với định hướng phát triển kinh tế

- xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường nên có tính khả thi cao, ít phải điều chỉnh, bổ sung và được thực hiện tốt.

3. Điểm yếu

Cha mẹ trẻ và cộng đồng chưa có sự tham gia đóng góp ý kiến vào phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện đánh giá phương hướng chiến lược trong từng năm học. Khuyến khích cha mẹ trẻ mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến xây dựng, phát triển nhà trường.

Hiệu trưởng tiếp tục báo cáo việc thực hiện phương hướng, chiến lược của nhà trường tại Đại hội Đại biểu cha mẹ trẻ và trong các buổi họp Ban đại diện cha mẹ trẻ, qua đó tăng cường sự phối hợp với cha mẹ trẻ cùng tham gia giám sát, đóng góp ý kiến hoặc đề xuất các giải pháp góp phần cùng nhà trường thực hiện có hiệu quả phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường Mầm non 22 nhiệm kỳ 2020 - 2025 được thành lập theo Quyết định số 3302/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2021 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh ban hành có 09 thành viên: Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng

nhà trường, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 22, Phó hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Chi đoàn, các tổ trưởng chuyên môn và Trưởng Ban đại diện cha mẹ trẻ [H1-1.1-05]. Các hội đồng khác được thành lập theo quy định gồm có: Hội đồng thi đua, khen thưởng [H1-1.2-01]; Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường [H1-1.2-02]; Hội đồng xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm [H1-1.2-03].

b) Các hội đồng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Quy định tại điều 9, điều 11 của Điều lệ trường mầm non (Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường mầm non). Hội đồng trường làm việc theo phương thức thảo luận, thông qua các nghị quyết tập thể tại các cuộc họp của Hội đồng trường để đưa ra các quyết định trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định [H1-1.1-05]; Hội đồng thi đua, khen thưởng xây dựng các nội dung khen thưởng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị [H1-1.2-01]; Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường dự giờ các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ được quy định trong Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.2-02]; Hội đồng xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm thực hiện 01 lần trong năm [H1-1.2-03].

c) Hoạt động của các hội đồng được rà soát, đánh giá theo định kỳ: Hội đồng trường 2 lần/năm, trong trường hợp cần thiết chủ tịch hội đồng trường triệu tập phiên họp bất thường để giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường; các hội đồng khác được đánh giá, rút kinh nghiệm ngay sau khi kết thúc nhiệm vụ [H1-1.1-04].

Mức 2:

Hội đồng trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ đảm bảo theo quy định, định kỳ tổ chức rà soát, đánh giá hoạt động của nhà trường và đề xuất, kiến nghị kịp thời, hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.1-04]; Hội đồng thi đua khen thưởng đã phát động phong trào thi đua trong toàn đơn vị, bình xét thi đua 02 lần/năm học vào học kỳ I và cuối năm, đề xuất khen thưởng cấp quận và cấp cao cho tập thể, cá nhân

[H1-1.2-01]; Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường thực hiện nhiệm vụ chấm thi và đánh giá kết quả, đề xuất khen thưởng giáo viên [H1-1.2-02]; Hội đồng xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm định hướng cho các cá nhân thực hiện, xét duyệt các sáng kiến, giải pháp cấp trường và thực hiện hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến, giải pháp cấp quận. Tuy nhiên, thành viên trong Hội đồng xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm còn hạn chế về kỹ năng tư vấn và phân tích vấn đề [H1-1.2-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo đúng Điều lệ trường mầm non, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và hoạt động có hiệu quả, được rà soát, đánh giá trong từng năm học.

3. Điểm yếu

Thành viên trong Hội đồng xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm còn hạn chế về kỹ năng tư vấn và phân tích vấn đề.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 11 năm học 2023 - 2024, hiệu trưởng tiếp tục thành lập các hội đồng và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Các thành viên trong Hội đồng thi đua khen thưởng tham mưu, đề xuất kịp thời với hiệu trưởng để có chế độ khen thưởng kịp thời với giáo viên, nhân viên có thành tích nổi bật trong các hoạt động và trong công tác giảng dạy.

Chủ tịch hội đồng tổ chức họp Hội đồng xét duyệt sáng kiến, kinh nghiệm vào tháng 3 năm học 2023 - 2024 để hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng tư vấn, cách chấm và xét duyệt sáng kiến, giải pháp có chất lượng cho các thành viên trong hội đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có tổ chức Công đoàn gồm 32 công đoàn viên [H1-1.3-01]; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 10 thành viên [H1-1.3-02]; ngoài ra còn có Chi Hội Khuyến học với 32 thành viên [H1-1.3-03]; Chi Hội Chữ thập đỏ có 32 thành viên [H1-1.3-04].

b) Tổ chức Công đoàn trực thuộc Công đoàn giáo dục quận Bình Thạnh, Ban chấp hành công đoàn thực hiện đúng nhiệm vụ và chức năng Công đoàn [H1-1.3-01]; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trực thuộc Đoàn phường 22 quận Bình Thạnh [H1-1.3-02]; Hội Khuyến học hoạt động theo kế hoạch của Hội Khuyến học Phường 22 quận Bình Thạnh [H1-1.3-03]; Hội Chữ thập đỏ hoạt động theo kế hoạch của Hội Chữ thập đỏ quận Bình Thạnh [H1-1.3-04]; phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, đẩy mạnh các phong trào thi đua, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

c) Hằng năm, hoạt động của các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường được rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm vào tháng 5 để kịp thời bổ sung vào phương hướng hoạt động cho những năm tiếp theo [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 2:

a) Chi bộ trường Mầm non 22 gồm có 09 đảng viên trên tổng số 32 nhân sự, đạt tỷ lệ 28,13%. Đây là lực lượng nòng cốt trong các hoạt động của nhà trường nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục đạt hiệu quả cao. Bí thư chi bộ là Hiệu trưởng và Phó bí thư chi bộ là Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục được chuẩn y theo Quyết định số 48-QĐ/ĐU ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Đảng ủy Phường 22; Chi bộ trường hoạt động theo quy chế, nghị quyết dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Phường 22. Trong 05 năm qua, Chi bộ được đánh giá là Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-05].

b) Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Chi Hội Khuyến học, Chi Hội Chữ thập đỏ luôn hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ và có nhiều đóng góp cho hoạt động nhà trường như: Công đoàn đóng góp các loại quỹ xã hội, chăm lo cho các công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn [H1-1.3-01]; Chi đoàn thực hiện tốt công trình “Ứng dụng công nghệ thông tin vào trong hoạt động giảng dạy”, “Sử dụng nguyên liệu làm đồ dùng, đồ chơi phát triển thể chất cho trẻ”, “Chăm sóc cây xanh” trong nhà trường [H1-1.3-02]; Chi Hội Khuyến học thực hiện có hiệu quả công tác khuyến học, khuyến tài, thực hiện trao học bổng Nguyễn Đức Cảnh cho con em giáo viên, nhân viên có thành tích tốt trong học tập. Hằng năm, thực hiện báo cáo tổng kết kịp thời [H1-1.3-03]; Chi Hội Chữ thập đỏ thực hiện tốt công tác hiến máu tình nguyện, đóng góp các hoạt động từ thiện [H1-1.3-04].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp (từ năm 2018 - 2022), Chi bộ luôn đạt Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-05].

b) Các đoàn thể hoạt động tích cực, phối hợp chặt chẽ với nhà trường thực hiện tốt các hoạt động phong trào như: Công đoàn đóng góp quỹ vì người nghèo với chương trình “Trao gửi yêu thương”, tặng vải áo dài cho giáo viên vùng sâu,

vùng xa, đóng góp hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại đơn vị [H1-1.3-01]; Chi đoàn thực hiện tốt công trình thanh niên của Phường 22 “Vườn cây của bé”, Đoàn viên tham gia các phong trào do Đoàn phường và Quận đoàn phát động như: đóng góp ủng hộ trẻ khuyết tật, đóng góp chăm lo cho đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, tham gia phong trào tặng cây xanh và túi nilon tự hủy cho người dân trên địa bàn phường; kết hợp với Đoàn phường tham gia dọn dẹp vệ sinh trên địa bàn phường. Tuy nhiên, chi đoàn có 03 đoàn viên do nhà xa và 01 đoàn viên có con nhỏ nên còn gặp nhiều khó khăn khi tham gia các hoạt động phong trào của địa phương [H1-1.3-02]; Chi Hội Khuyến học nhà trường luôn hỗ trợ tích cực xây dựng xã hội học tập, chăm lo cho trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn [H1-1.1-03]; Chi Hội Chữ thập đỏ tuyên truyền vận động hội viên tham gia các hoạt động xã hội từ thiện, hiến máu mỗi đợt từ 2 - 3 người, đóng góp cho đồng bào miền Trung bị lũ lụt [H1-1.3-04]. Các tổ chức đoàn thể được đánh giá: Công đoàn vững mạnh xuất sắc năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019 và hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022; Chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 05 năm liền [H1-1.3-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam và các đoàn thể theo quy định. Các tổ chức, đoàn thể hoạt động hiệu quả, đóng góp vào thành tích chung của nhà trường, của địa phương.

3. Điểm yếu

Chi đoàn có 03 đoàn viên do nhà xa và 01 đoàn viên có con nhỏ nên còn gặp nhiều khó khăn khi tham gia các hoạt động phong trào của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024, Chi bộ chỉ đạo và phân công đảng viên giám sát, hỗ trợ Chi đoàn nhà trường xây dựng kế hoạch, phân công hợp lý và tạo mọi điều kiện cho các đoàn viên tham gia tốt các hoạt động của địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường Mầm non 22 quận Bình Thạnh có 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 26 tháng 3 năm 2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập và Đề án vị trí việc làm được Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh phê duyệt [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

- b) Trường Mầm non 22 có cơ cấu tổ chức theo quy định gồm 05 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Tổ chuyên môn gồm có: tổ nhà trẻ (có 07 giáo viên); tổ mẫu giáo 3 - 4 tuổi (có 04 giáo viên); tổ mẫu giáo 4 - 5 tuổi (có 04 giáo viên); tổ mẫu giáo 5 - 6 tuổi (có 04 giáo viên); tổ cấp dưỡng (có 04 cấp dưỡng). Tổ văn phòng (có 02 bảo vệ, 01 y tế, 01 kế toán, 01 văn thư, 01 phục vụ). Mỗi tổ chuyên môn có tổ trưởng được phân công quản lý thực hiện công tác chuyên môn của tổ [H1-1.4-05].

c) Hằng năm, căn cứ vào tình hình thực tế và nhiệm vụ chuyên môn, tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch chung theo năm, tháng cụ thể, rõ ràng và sinh hoạt tổ định kỳ trong tháng; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; tham gia đánh giá, xếp loại cán bộ quản lý theo chuẩn hiệu trưởng trường mầm non, giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non và viên chức theo Nghị định số 90/2020/NĐ/CP [H1-1.4-06]. Tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm, tháng nhằm phục vụ việc thực hiện các hoạt động của nhà trường về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ, công văn đi, đến của nhà trường; thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên [H1-1.4-07].

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của nhà trường đề xuất 01 chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục như: “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, “Đổi mới hoạt động phát triển nhận thức trong trường mầm non”, “Đổi mới hoạt động phát triển thẩm mỹ” và thực hiện bước 2 ở tất cả các lớp nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả công tác giáo dục [H1-1.4-08].

b) Tổ chuyên môn định kỳ rà soát 02 tuần một lần để tự đánh giá, nhận xét và rút kinh nghiệm những mặt còn hạn chế để kịp thời bổ sung, điều chỉnh, đồng thời nhắc nhở động viên các thành viên trong tổ thực hiện tốt các nhiệm vụ theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-06]. Tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động hàng tháng; lưu giữ hồ sơ của nhà trường; quản lý hành chính, tài sản; tham gia đánh giá công chức, viên chức hàng năm; tổ chức sinh hoạt định kỳ một tháng một lần. Tuy nhiên, nội dung sinh hoạt của tổ chuyên môn cấp dưỡng còn sơ sài, chưa phát huy tính tích cực của các tổ viên [H1-1.4-07].

Mức 3:

a) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng của nhà trường tổ chức sinh hoạt định kỳ đầy đủ giúp kỹ năng sư phạm của giáo viên được nâng lên. Tổ chuyên môn tổ chức tốt giờ thao giảng cho giáo viên tham dự để rút kinh nghiệm trong giảng dạy. Cấp dưỡng và giáo viên phối hợp thực hiện tốt chuyên đề “Đổi mới tổ chức bữa ăn cho trẻ” để nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng trẻ. Thành viên tổ văn phòng thực hiện tốt công việc hành chính đảm bảo điều kiện vật chất tốt nhất cho giáo viên, nhân viên trong nhà trường hoàn thành nhiệm vụ đồng thời tham mưu, đề xuất hợp lý các phương án nhằm đảm bảo sử dụng kinh phí ngân sách hiệu quả [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07].

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề, qua đó giáo viên được cùng nhau chia sẻ, rút kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau nhằm nâng cao kiến thức, tay nghề cho bản thân, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường như chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”; chuyên đề “Phát triển bài tập, trò chơi trong hoạt động làm quen với toán”; “Tổ chức đổi mới bữa ăn cho trẻ”; “Các biện pháp thực hiện hiệu quả trong việc phòng, chống thừa cân, béo phì cho trẻ” [H1-1.4-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hiệu trưởng và phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định; tổ chuyên môn, tổ văn phòng hằng năm đều có xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm, tháng, tuần và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

3. Điểm yếu

Nội dung sinh hoạt của tổ chuyên môn cấp dưỡng còn sơ sài, chưa phát huy tính tích cực của các tổ viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024, cán bộ quản lý tiếp tục giám sát hoạt động của các tổ chuyên môn, tổ chức các chuyên đề hiệu quả; hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng theo dõi, giúp đỡ, kiểm tra kế hoạch, nội dung sinh

hoạt của tổ cấp dưỡng để đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng nội dung sinh hoạt của tổ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2023 - 2024, nhà trường có 11 nhóm, lớp (04 nhóm nhà trẻ, 07 lớp mẫu giáo); tổng số học sinh là 303 trẻ được phân chia theo từng độ tuổi đúng quy định, nhà trường không có nhóm, lớp ghép [H1-1.5-01].

b) 100% trẻ ở các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học bán trú tại trường [H1-1.5-02].

c) Nhà trường không có trẻ khuyết tật [H1-1.5-01].

Mức 2:

Tính đến thời điểm tự đánh giá nhà trường thực hiện phân chia trẻ theo độ tuổi đúng quy định. Tuy nhiên, số trẻ trong lớp mẫu giáo còn vượt so với quy định (số trẻ 3-4 tuổi vượt 01 trẻ, số trẻ 4-5 tuổi vượt 10 trẻ, số trẻ 5-6 tuổi vượt 14 trẻ) [H1-1.5-01].

Lứa tuổi	Số lớp	Số trẻ thực tế	Số trẻ vượt quy định
18 - 24 tháng	02	30	00
24 - 36 tháng	02	48	00
3 - 4 tuổi	03	76	01
4 - 5 tuổi	02	70	10
5 - 6 tuổi	02	84	14

Mức 3:

Từ năm học 2018 - 2019 đến 2023 - 2024 nhà trường có từ 07 đến 10 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Trẻ được phân chia theo đúng độ tuổi 11/11 nhóm, lớp được tổ chức bán trú.

3. Điểm yếu

Số trẻ trong lớp mẫu giáo còn vượt so với quy định (số trẻ 3-4 tuổi vượt 01 trẻ, số trẻ 4-5 tuổi vượt 10 trẻ, số trẻ 5-6 tuổi vượt 14 trẻ).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024, cán bộ quản lý tiếp tục phân chia trẻ vào các nhóm, lớp đúng theo độ tuổi, tổ chức bán trú cho 100% trẻ. Tháng 4 năm 2024, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học mới cho các lứa tuổi đảm bảo đúng số lượng quy định tại điều 15 Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non; có kế hoạch tuyển dụng giáo viên đáp ứng nhu cầu trẻ 5 tuổi trên địa bàn ra lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có thực hiện đầy đủ hệ thống hồ sơ và được lưu trữ theo quy định tại điều 25 Điều lệ trường mầm non bao gồm: hồ sơ thi đua, khen thưởng [H1-1.2-01]; hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.4-05]; hồ sơ quản lý chuyên môn [H1-1.4-08]; sổ điểm danh hằng ngày của trẻ [H1-1.5-02]; hồ sơ tài chính, tài sản [H1-1.6-01]; hồ sơ quản lý bán trú [H1-1.6-02]; hồ sơ kiểm tra nội bộ [H1-1.6-03]; hồ sơ Nghị quyết 03 [H1-1.6-04]; hồ sơ quy chế dân chủ [H1-1.6-05]; hồ sơ đánh giá xếp loại công chức, viên chức [H1-1.6-06]; hồ sơ y tế [H1-1.6-07]. Hồ sơ được lưu tại các bộ phận chuyên môn của nhà trường, đáp ứng các tiêu chuẩn về dữ liệu thông tin đầu vào, bảo đảm tính kế thừa, tính thống nhất, độ xác thực, an toàn và khả năng truy cập, được bảo quản và sử dụng theo phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ không để xảy ra tình trạng thất lạc hồ sơ.

b) Hằng năm, hiệu trưởng chỉ đạo kế toán thu, chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định và theo điều kiện thực tế của nhà trường; định kỳ, nhà trường tự kiểm tra và công khai tài chính, tài sản theo quy định.

Trong hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động hằng năm nhà trường đã công khai, dân chủ mở rộng về tài chính, tài sản và quy chế chi tiêu nội bộ được lấy ý kiến thảo luận, thống nhất điều chỉnh khi có sự thay đổi cho

phù hợp với văn bản hiện hành hằng năm. Vào tháng 01 hằng năm nhà trường bổ sung, cập nhật quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với điều kiện thực tế và quy định hiện hành [H1-1.6-01]; [H1-1.6-08].

c) Tài chính, tài sản của nhà trường được quản lý nghiêm túc, chặt chẽ. Hằng năm, tổ chức kiểm kê tài sản, lập biên bản thanh lý và bàn giao tài sản; Công tác tài chính, tài sản sử dụng đúng mục đích, đạt hiệu quả để phục vụ tốt các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.6-01].

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý có ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như: công thông tin điện tử, phần mềm tính khẩu phần dinh dưỡng, phần mềm IMAX 8.0, EMIS, phần mềm thu học phí. Tuy nhiên, việc thu học phí không dùng tiền mặt đạt hiệu quả chưa cao (135/308 cha mẹ trẻ, đạt tỉ lệ 44,56%) [H1-1.6-09].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thanh tra quận Bình Thạnh [H1-1.6-01].

Mức 3:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế của địa phương. Tuy nhiên, nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch tài chính dài hạn [H1-1.6-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có thực hiện đầy đủ hệ thống hồ sơ và được lưu trữ theo quy định tại điều 25 Điều lệ trường mầm non. Hồ sơ được lưu trữ đầy đủ thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài sản tài chính.

3. Điểm yếu

Việc thu học phí không dùng tiền mặt đạt hiệu quả chưa cao.

Trường chưa có kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo việc lưu trữ hồ sơ, văn bản theo đúng quy định lưu hồ sơ từng chuyên đề riêng trong một bìa hồ sơ và sắp xếp theo trình tự thực hiện từng năm. Sử dụng đúng mục đích và phát huy hiệu quả công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản phục vụ các hoạt động giáo dục. Hiệu trưởng tham mưu với các cấp quản lý, Ban đại diện cha mẹ trẻ trong việc xây dựng kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế địa phương.

Cán bộ quản lý, giáo viên các lớp thực hiện công tác tuyên truyền đến cha mẹ trẻ trong việc thu học phí không dùng tiền mặt trong năm học 2023 - 2024 phân đầu đạt tỉ lệ 100%.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*
- b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*
- c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng để nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên vào dịp hè, đầu năm học. Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch học bồi dưỡng thường xuyên phù hợp với nhu cầu cá nhân. Có 100% giáo viên hoàn thành kế

hoạch tự học bồi dưỡng thường xuyên và đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh cấp giấy chứng nhận [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03].

b) Đầu năm học, nhà trường ban hành các quyết định phân công, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên theo trình độ chuyên môn, năng lực và điều kiện cá nhân, nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả công việc được quy định tại điều 36 Điều lệ trường mầm non [H1-1.7-04].

c) Cán bộ, giáo viên, nhân viên được bảo đảm các quyền theo quy định tại điều 29 Điều lệ trường mầm non (Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), nhà trường luôn tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt nhiệm vụ, được khám sức khỏe, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... [H1-1.6-08]; [H1-1.7-05].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, thông qua dự giờ thực tế, cán bộ quản lý chỉ ra những ưu, khuyết điểm của từng cá nhân, bộ phận, tìm ra các giải pháp khả thi, cách xử lý tình huống. Đồng thời, phát huy năng lực sáng tạo của giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, việc đóng góp ý kiến, đề xuất xây dựng, nâng cao chất lượng trong các hoạt động dự giờ, xây dựng kế hoạch giáo dục của giáo viên chưa nhiều [H1-1.6-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phân công sử dụng hợp lý, tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt nhiệm vụ và tham gia học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ; Công tác bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên được duy trì thường xuyên và liên tục, các quyền lợi được đảm bảo theo quy định.

3. Điểm yếu

Việc đóng góp ý kiến, đề xuất xây dựng, nâng cao chất lượng trong các hoạt động dự giờ, xây dựng kế hoạch giáo dục của giáo viên chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024, nhà trường tiếp tục duy trì phát huy điểm mạnh. Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho các giáo viên về lý thuyết và thực hành, khuyến khích giáo viên mạnh dạn tham gia góp ý kiến, đưa ra những ý tưởng mới nhằm xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ văn bản triển khai nhiệm vụ năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh; Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh và tình hình thực tế địa phương và nhà trường. Trong mỗi năm học, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch để chỉ đạo toàn diện hoạt động của nhà trường bao gồm: nội dung chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp với đặc điểm học sinh, tình hình đội ngũ; các nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ chuyên môn theo đúng chỉ đạo và định hướng của các cấp phù hợp với quy định Điều lệ trường mầm non [H1-1.8-01].

b) Giáo viên thực hiện đầy đủ các nội dung theo kế hoạch giáo dục trong việc tổ chức các hoạt động và đảm bảo chế độ sinh hoạt của trẻ, đảm bảo các mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non theo từng lứa tuổi [H1-1.8-02].

c) Kế hoạch giáo dục của giáo viên được phó hiệu trưởng rà soát, đánh giá từng tháng đối với mẫu giáo, từng quý đối với nhà trẻ theo từng lĩnh vực và được điều chỉnh phù hợp với khả năng của trẻ [H1-1.8-02].

Mức 2:

Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục phối hợp với các tổ trưởng chuyên môn chỉ đạo giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục theo chế độ sinh hoạt trong ngày phù hợp với trẻ ở từng lứa tuổi theo Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.8-02]; hằng tháng, Ban kiểm tra nội bộ của nhà trường thực hiện kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em thông qua việc dự giờ giáo viên. Việc thực hiện chương trình Giáo dục mầm non của trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh đánh giá thực hiện tốt thông qua đợt kiểm tra các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhà trường trong năm học 2021 - 2022. Tuy nhiên, 06/19 (tỷ lệ 31,5%) giáo viên khi xây dựng kế hoạch còn một số đề tài làm quen với toán chưa lựa chọn hoạt động phù hợp với khả năng của trẻ, do đó giờ dạy đạt hiệu quả chưa cao [H1-1.6-03]; [H1-1.8-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng và thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non, định kỳ rà soát, điều chỉnh và bổ sung kịp thời, các biện pháp chỉ đạo thực hiện đạt hiệu quả, được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh đánh giá cao.

3. Điểm yếu

06/19 (tỷ lệ 31,5%) giáo viên khi xây dựng kế hoạch còn một số đề tài làm quen với toán chưa lựa chọn hoạt động phù hợp với khả năng của trẻ, do đó giờ dạy đạt hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ tháng 11 năm 2023, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục tiếp tục chỉ đạo giáo viên xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với từng độ tuổi; hướng dẫn, bồi dưỡng, gợi ý các hình thức nhằm giúp giáo viên vận dụng nội dung, phương

pháp cho linh hoạt, đảm bảo thời gian theo quy định cho từng lứa tuổi, phù hợp với khả năng của trẻ để tiết dạy đạt hiệu quả cao.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, trường tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động để thực hiện tốt quy chế dân chủ trong trường học. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường nhằm đảm bảo tính khách quan, công bằng trong việc thực thi chức trách nhiệm vụ tại đơn vị [H1-1.9-01].

b) Nhà trường không có đơn thư, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại cơ sở [H1-1.7-04]; [H1-1.9-02].

c) Hằng năm, nhà trường có báo cáo tổng kết thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại Hội nghị Tổng kết năm học của nhà trường và Công đoàn [H1-1.6-05].

Mức 2:

Công đoàn nhà trường đã chỉ đạo giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ

của nhà trường thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, được báo cáo công khai trong Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động đầu năm học. Tuy nhiên, việc tham gia đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế, thang điểm,... liên quan đến các hoạt động nhà trường của giáo viên trẻ còn hạn chế [H1-1.6-05]; [H1-1.9-01].

2. Điểm mạnh

Quy chế dân chủ của nhà trường hằng năm đều được thực hiện nghiêm túc dưới sự lãnh đạo của Chi bộ và sự giám sát thường xuyên của Công đoàn trường, được công khai, minh bạch. Trong những năm qua, nhà trường không để xảy ra việc khiếu nại, tố cáo, không có đơn thư khiếu kiện.

3. Điểm yếu

Việc tham gia đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế, thang điểm,... liên quan đến các hoạt động nhà trường của giáo viên trẻ còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 11 năm học 2023, cán bộ quản lý tiếp tục đẩy mạnh việc chỉ đạo, thực hiện quy chế dân chủ trong trường học. Duy trì tốt chế độ báo cáo, xây dựng khối đoàn kết nhất trí cao từ cán bộ quản lý đến từng giáo viên, nhân viên đảm bảo dân chủ, công bằng trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có xây dựng kế hoạch, phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-04]; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07]; bếp ăn của nhà trường đảm bảo an toàn thực phẩm đúng quy định [H1-1.10-02].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý gắn ở trước cổng trường [H1-1.10-08]; có đường dây nóng qua số điện thoại của hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng và có lịch tiếp dân dân ở trước cửa văn phòng để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân, cha mẹ trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên. Nhà trường có xây dựng kế hoạch, phương án an toàn trường học phối hợp với công an địa phương trong việc giữ gìn trật tự an ninh trong nhà trường [H1-1.10-01]; phối hợp với Công an quận Bình Thạnh tổ chức diễn tập phòng cháy, chữa cháy cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tại trường [H1-1.10-04].

c) Nhà trường luôn quán triệt các văn bản đến cán bộ, giáo viên, nhân viên ngay từ đầu năm học, nhất là Điều lệ trường mầm non, Quyết định số 16/QĐ-

BGDDT ngày 16 tháng 04 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đạo đức nhà giáo và các công văn chỉ đạo của các cấp về bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự, thông qua các nội quy, quy chế. Cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc thực thi chức trách nhiệm vụ, tuyệt đối không để xảy ra hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong chăm sóc giáo dục trẻ tại trường [H1-1.7-04].

Mức 2:

a) Đầu năm học, nhà trường liên hệ các ban ngành tổ chức tập huấn, diễn tập cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về việc thực hiện phương án đảm bảo an ninh an trật tự [H1-1.10-01]; vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích [H1-1.10-03]; an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-04]; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; an toàn phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07] theo đúng quy định và hướng dẫn.

b) Cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục của giáo viên tại lớp học nhằm phát hiện và kịp thời ngăn chặn các hành vi bạo lực học đường, cũng như theo dõi tình hình an ninh trật tự trong nhà trường. Bên cạnh đó tuyên truyền đến cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ tự giác không tham gia bình luận trên các trang mạng không chính thống nhằm góp phần bảo đảm an ninh trật tự. Triển khai và thực hiện tốt bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội. Tuy nhiên, trường chưa có khu vực để xe cho cha mẹ trẻ mà còn tận dụng khu vực trước cổng làm chỗ để xe, vì vậy đôi khi còn ùn tắc giao thông trong giờ đón, trả trẻ [H1-1.10-01]; [H1-1.10-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có xây dựng đầy đủ các phương án. Trong những năm qua, không có xảy ra cháy nổ, ngộ độc thực phẩm, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới và không xảy ra mất trộm tài sản. Nhà trường có đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Trường chưa có khu vực để xe cho cha mẹ trẻ còn tận dụng để xe phía trước cổng đôi khi gây ùn tắc giao thông trong giờ đón, trả trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 01 năm 2024, cán bộ quản lý tiếp tục duy trì thực hiện tốt các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích cho trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên. Cán bộ quản lý sắp xếp, bố trí khu vực để xe hẻm bên hông trường (cổng sau), phân công nhân viên trực phân luồng giao thông và tham mưu với Ủy ban nhân dân Phường 22 trong việc phân công dân quân tự vệ hỗ trợ thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự khu vực trước cổng trường trong giờ trả trẻ để tránh gây ùn tắc giao thông.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non, với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn. Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo đúng Điều lệ trường mầm non. Các thành viên trong hội đồng và các tổ chức đoàn thể thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tích cực tham gia vào các phong trào, đóng góp tích cực vào thành tích chung của nhà trường, của địa phương.

Nhà trường đã xây dựng và thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non, định kỳ rà soát, điều chỉnh và bổ sung kịp thời. Quy chế dân chủ của nhà trường hằng năm đều được thực hiện nghiêm túc dưới sự lãnh đạo của chi bộ và sự giám sát thường xuyên của Công đoàn trường, được công khai, minh bạch. Trong những năm qua, nhà trường không để xảy ra việc khiếu nại, tố cáo, không có đơn thư khiếu kiện.

Điểm yếu cơ bản:

Cha mẹ trẻ và cộng đồng chưa có sự tham gia đóng góp ý kiến vào phương

hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường.

Thành viên trong hội đồng xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm còn hạn chế về kỹ năng tư vấn và phân tích vấn đề.

Chi đoàn có 03 đoàn viên do nhà xa và 01 đoàn viên có con nhỏ còn gặp nhiều khó khăn khi tham gia các hoạt động phong trào của địa phương.

Tổ chuyên môn cấp dưỡng nội dung sinh hoạt còn sơ sài, chưa phát huy tính tích cực của các tổ viên.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là yếu tố quyết định sự phát triển của nhà trường. Đó phải là đội ngũ đạt chuẩn về đào tạo, có đầy đủ phẩm chất năng lực cần thiết và không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu của công việc. Chính vì vậy, nhà trường luôn tập trung công tác đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên để có đủ năng lực nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Với những nỗ lực trong nhiều năm qua, trường Mầm non 22 đã từng bước có những đổi mới trong công tác, đáp ứng tốt những yêu cầu, mục tiêu giáo dục của nhà trường nói riêng và của ngành nói chung.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên.*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn nghiệp vụ Cử nhân mầm non đảm bảo trên chuẩn theo quy định. Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng đang học lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03]. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có phẩm chất đạo đức tốt, luôn quan tâm gần gũi chia sẻ đến từng cá nhân trong đơn vị, được tập thể nhà trường tín nhiệm [H2-2.1-01].

Chức vụ	Số năm công tác	Số năm quản lý	Trình độ chuyên môn	Trình độ quản lý	Trình độ chính trị
Hiệu trưởng	29	16	Đại học	Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học bồi dưỡng hiệu trưởng	Trung cấp
Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	22	7	Đại học	Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học bồi dưỡng hiệu trưởng	Trung cấp
Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	17	1	Đại học	Đang học lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý	Trung cấp

b) Hằng năm, hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng thực hiện việc đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo quy định Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ban hành Quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non. Trong

05 năm, hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục được đánh giá xếp loại khá [H2-2.1-01].

	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Hiệu trưởng	Khá	Khá	Khá	Khá	Khá
Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Khá	Khá	Khá	Khá	Khá
Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Khá	Khá	Khá	Khá	Khá

c) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn như: lớp chuyên viên; lớp bồi dưỡng hiệu trưởng; lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, cán bộ quản lý đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng mức khá theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non. Cụ thể, năm học 2018 - 2019 cán bộ quản lý tự đánh giá khá; năm học 2019 - 2020 cán bộ quản lý được đánh giá khá; năm học 2020 - 2021 cán bộ quản lý tự đánh giá khá; năm học 2021 - 2022 cán bộ quản lý được đánh giá khá; năm học 2022 - 2023 cán bộ quản lý tự đánh giá khá [H2-2.1-01].

b) Cán bộ quản lý tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị do Ban Tuyên giáo Quận ủy quận Bình Thạnh tổ chức theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng luôn được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá nhưng chưa được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt ít nhất 01 năm [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng công tác liên tục trong ngành nhiều năm; đạt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trên chuẩn; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có năng lực quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ vị trí công tác.

3. Điểm yếu

Cán bộ quản lý chưa được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt ít nhất 01 năm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024, cán bộ quản lý xây dựng kế hoạch cụ thể để tiếp tục phát huy các ưu điểm và khắc phục những tồn tại để đạt mức tốt trong đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;*
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp.*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60%*

đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn.

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có số lượng giáo viên (19/11 lớp) theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập và đảm bảo chương trình theo Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-05]. Tuy nhiên thời điểm đánh giá, trường còn thiếu 03 giáo viên (do việc gia đình có 02 giáo viên xin nghỉ việc từ tháng 5/2023, và do phụ huynh trên địa bàn có nhu cầu gửi con nhiều nên nhà trường mở thêm 01 nhóm 19-24 tháng).

b) Nhà trường có 19/19 giáo viên (tỷ lệ: 100%) đạt chuẩn trình độ đào tạo. [H1-1.4-05].

Trình độ	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023
Thạc sĩ	00	00	00	00	00
Đại học	06	06	06	11	12
Cao đẳng	07	07	05	06	08

Trung cấp	02	02	01	01	01
-----------	----	----	----	----	----

c) Giáo viên của trường nghiêm túc thực hiện theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Trong những năm qua, 100% giáo viên đều được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức đạt trở lên [H2-2.2-01].

Năm học	Giáo viên	Xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên			
		Không đạt	Đạt	Khá	Tốt
2018 - 2019	15	00	11/15 (Tỷ lệ: 73,33%)	4/15 (Tỷ lệ: 26,67%)	00
2019 - 2020	15	00	11/15 (Tỷ lệ: 73,33%)	4/15 (Tỷ lệ: 26,67%)	00
2020 - 2021	12	00	6/12 (Tỷ lệ: 50%)	6/12 (Tỷ lệ: 50%)	00
2021 - 2022	18	00	10/18 (Tỷ lệ: 55,56%)	08/18 (Tỷ lệ: 44,44%)	00
2022 - 2023	21	00	10/21 (Tỷ lệ: 47,6%)	11/21 (Tỷ lệ: 52,4%)	00

Mức 2:

a) Năm học 2023 - 2024, nhà trường có 13/19 giáo viên (tỷ lệ: 68,4%) đạt trình độ chuyên môn trên chuẩn. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo từng năm học; cụ thể: năm học 2018 – 2019 và 2019 - 2020 có 06/15 giáo viên (tỷ lệ: 40%), năm học 2020 - 2021 có 06/12 giáo viên (tỷ lệ: 50%), năm học 2021 - 2022 có 11/18 giáo viên (tỷ lệ: 61,1%), năm học 2022 - 2023 có 12/21 giáo viên (tỷ lệ: 57,1%) [H1-1.4-05].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được xếp loại từ đạt trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Tuy nhiên, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên còn thấp (đạt 52,4%) [H2-2.2-01].

c) Giáo viên các nhóm, lớp luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, chấp hành nghiêm túc nội quy nhà trường, thực hiện đúng nhiệm vụ theo Điều lệ trường mầm non. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.1-05].

Mức 3:

a) Năm học 2023 - 2024, tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo sư phạm mầm non của nhà trường là 13/19 (tỷ lệ: 68,4%) [H2-2.2-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 11/21 giáo viên (tỷ lệ: 52,4%) đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định và 100% giáo viên được đánh giá xếp loại từ đạt trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

3. Điểm yếu

Năm học 2023 - 2024 trường còn thiếu 03 giáo viên.

Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 10 năm 2023, Hiệu trưởng tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh để năm học 2023-2024 bổ sung thêm 03 giáo viên..

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ giáo viên trong công tác chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ để phấn đấu số lượng giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp trong năm học 2023 - 2024 ở mức tốt là 10%.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) *Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định.*
- b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) *Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.*
- b) *Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 01 nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ là biên chế. Trường hợp đồng 05 nhân viên nấu ăn (01 nhân viên nấu ăn được phân công công tác phục vụ), 02 nhân viên bảo vệ. Số lượng nhân viên đảm bảo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.4-05].

b) Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực thực tế của mỗi người nên đã phát huy tối đa khả năng đối với nhiệm vụ được giao [H1-1.4-05].

c) Đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo kế hoạch và sự phân công, điều động của hiệu trưởng [H1-1.6-06].

Mức 2:

a) Nhà trường có số lượng nhân viên theo quy định tại khoản 3 điều 4 và khoản 4 điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non [H1-1.4-04].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.6-06].

Mức 3:

a) Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: Nhân viên kế toán có trình độ cao đẳng chuyên ngành tài chính kế toán; nhân viên văn thư có trình độ trung cấp văn thư - lưu trữ; nhân viên y tế có trình độ trung cấp điều dưỡng; 03/04 nhân viên nấu ăn có trình độ sơ cấp nấu ăn, 01/04 nhân viên nấu ăn đang học trình độ trung cấp nấu ăn. Tuy nhiên, còn 01 nhân viên phục vụ và 02 nhân viên bảo vệ chưa qua các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ [H1-1.4-04].

b) Hằng năm, nhà trường có tạo điều kiện, khuyến khích nhân viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ như tham gia học sơ cấp nấu ăn, cập nhật kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm do cấp trên tổ chức. Đồng thời, tích cực tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực công tác cho bản thân. [H1-1.1-04]; [H1-1.10-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn.

3. Điểm yếu

Còn 01 nhân viên phục vụ và 02 nhân viên bảo vệ chưa qua các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 12 năm 2023, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng và tạo điều kiện cho nhân viên nấu ăn, bảo vệ tham gia các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ theo quy định để nâng cao trình độ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng công tác liên tục trong ngành nhiều năm;

đạt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trên chuẩn; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có năng lực quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ vị trí công tác.

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định và 100% giáo viên được đánh giá xếp loại từ đạt trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

Điểm yếu cơ bản:

Cán bộ quản lý chưa được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt ít nhất 01 năm.

Năm học 2023 - 2024 trường còn thiếu 03 giáo viên.

Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên còn thấp.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Cơ sở vật chất trong trường mầm non là điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Đầu tư cơ sở vật chất chính là tạo môi trường thuận lợi cho trẻ tích cực hoạt động đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy năng lực trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ. Chính vì vậy, song song với việc nâng cao chất lượng đội ngũ, trường Mầm non 22 đã từng bước bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định.

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập.

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có tổng diện tích đất là 784,2m² và sàn xây dựng là 2174,1m²/288 trẻ, diện tích sử dụng bình quân 7,54m²/trẻ, các công trình nhà trường được xây dựng kiên cố, một trệt, ba lầu bằng bê tông cốt thép, diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn chưa đảm bảo quy định [H3-3.1-01].

b) Trường có cổng, biển tên trường, khuôn viên có tường rào được xây dựng kiên cố bao quanh đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, phù hợp với cảnh quan, môi trường thân thiện, trang trí đẹp và an toàn cho trẻ em [H3-3.1-02].

c) Sân chơi của trường có diện tích 94m², được thiết kế các khu vực hoạt động ngoài trời phù hợp với trẻ mầm non. Sân trường có cây cảnh, giàn leo tạo bóng mát, có khu vực cho trẻ chơi vận động được bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn và đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng. Hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp có chiều rộng 2m. Hiên chơi trên lầu có rào chắn bao quanh cao 1,5m, hai đầu cầu thang đều có cửa và cài chốt an toàn [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có diện tích xây dựng công trình là 79% và diện tích sân vườn 21%, chưa đảm bảo theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 Ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên nhà trường có tường rào bao quanh ngăn cách với bên ngoài, có sân chơi của nhóm, lớp, có cây xanh, giàn leo tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được nhân viên bảo vệ chăm sóc, cắt tỉa; có vườn cây cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

c) Sân chơi ngoài trời của trẻ được bố trí, trang bị đồ chơi theo quy định tại Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 9 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo viên mầm non như: bộ đồ chơi liên hoàn, cầu thăng bằng.... Khu vực trẻ chơi được lát gạch, khu vực vận động được trải thảm. Tất cả các loại đồ chơi đều đảm bảo an toàn. Tuy nhiên, chưa có khu vực cho trẻ chơi cát, chơi nước riêng [H1-1.6-01]; [H3-3.1-02].

Mức 3:

Nhà trường có các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ngoài ra nhà trường có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ: Bowling, cà kheo. Tuy nhiên, diện tích sân vườn hẹp nên chưa có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động [H1-1.6-01]; [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường được xây dựng kiên cố, khuôn viên được bao quanh bằng tường rào chắc chắn, hiên chơi có lan can đúng theo quy định. Sân chơi thoáng mát, có giàn cây xanh được chăm sóc thường xuyên thích hợp cho trẻ vận động ngoài trời và phù hợp với cảnh quan, môi trường thân thiện, đảm bảo an toàn cho trẻ trong các hoạt động.

3. Điểm yếu

Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn chưa đảm bảo quy định.
Chưa có khu vực cho trẻ chơi cát, chơi nước riêng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024, cán bộ quản lý tiếp tục phân công nhân viên, giáo viên trồng thêm cây xanh, chăm sóc cây thường xuyên (tưới nước, bón phân) để cây luôn tươi tốt, duy trì mảng xanh cho trẻ hoạt động ngoài sân; thường xuyên kiểm tra về cơ sở vật chất, kiểm tra vệ sinh môi trường để tạo cảnh quan môi trường sạch sẽ, an toàn cho trẻ.

Tháng 12 năm 2023, hiệu trưởng lên kế hoạch cải tạo 02 dãy bồn cây trong khuôn viên sân thành khu vực chơi cát, chơi nước cho trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2023 - 2024, nhà trường sử dụng 11 phòng học tương ứng cho 11 nhóm, lớp theo độ tuổi: 02 nhóm 19 - 24 tháng, 02 nhóm 25 - 36 tháng, 03 lớp 3 - 4 tuổi, 02 lớp 4 - 5 tuổi, 02 lớp 5-6 tuổi [H3-3.1-01].

b) 11 phòng sinh hoạt chung cũng dùng làm phòng ngủ cho trẻ; có phòng đa chức năng dùng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất hoặc giáo dục nghệ thuật, đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.1-01].

c) Nhà trường có đầy đủ hệ thống đèn, quạt được trang bị ở các phòng đảm bảo ánh sáng tự nhiên, thoáng mát. Mỗi lớp đều được trang bị đầy đủ tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi [H1-1.6-01]; [H3-3.2-01].

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung và phòng ngủ được sử dụng chung đảm bảo diện tích 1,5m²/trẻ, có đầy đủ ánh sáng, thông thoáng, mát mẻ; phòng đa chức năng diện tích 53m² chưa đạt chuẩn theo quy định [H3-3.1-01].

b) Tất cả các phòng ở nhóm, lớp và phòng đa chức năng đều được trang bị tủ, kệ, thùng đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng. [H1-1.6-01].

Mức 3:

Nhà trường không có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen ngoại ngữ, trẻ học tại lớp và không tổ chức cho trẻ làm quen tin học và âm nhạc [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số phòng tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi. Phòng sinh hoạt chung kết hợp phòng ngủ của trẻ thoáng mát, sạch sẽ, đủ ánh sáng, an toàn và được trang bị đầy đủ các thiết bị, đồ dùng phục vụ trong các hoạt động.

3. Điểm yếu

Phòng đa chức năng chưa đảm bảo diện tích theo quy định. Nhà trường chưa có phòng riêng để trẻ học ngoại ngữ, tin học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024, cán bộ quản lý tiếp tục làm tốt công tác tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh để từng bước đảm bảo có phòng thể chất, âm nhạc, phòng ngoại ngữ theo qui định. Tiếp tục duy trì số phòng nhóm lớp theo độ tuổi, sắp xếp, bố trí hợp lý đồ dùng, đồ chơi tại các phòng thông thoáng, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;*
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định.*
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường có các loại phòng hành chính như: phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng nhân viên [H3-3.3-01].

b) Văn phòng trường, phòng cán bộ quản lý được trang bị đầy đủ máy vi tính, máy chiếu, máy in, máy photocopy, tủ hồ sơ phục vụ chuyên môn. Phòng y tế được trang bị đầy đủ các thiết bị y tế như cân điện tử, thước đo... Phòng bảo vệ, phòng nghỉ nhân viên có tủ để đồ dùng cá nhân... [H1-1.6-01].

c) Khu để xe cho cán bộ, giáo viên bố trí an toàn, có hàng rào xung quanh, cách xa với phòng học của trẻ và được sắp xếp gọn gàng, đảm bảo an toàn, trật tự. Tuy nhiên, khu vực để xe nhân viên bên hông sân trường phía trên tường rào tiếp giáp với khu vực nhà cao tầng của các hộ dân chưa có lưới ngăn cách [H3-3.3-01].

Mức 2:

a) Nhà trường có các loại phòng được quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020: phòng hiệu trưởng diện tích 11,5m², 02 phòng phó hiệu trưởng diện tích là 11m² và 15m², phòng y tế có diện tích 16m², phòng hành chính - quản trị 11m², phòng bảo vệ 2,25m², phòng nhân viên 19m². Tuy nhiên, một số phòng chưa đủ diện tích theo quy định [H3-3.1-01].

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc sử dụng. Tuy nhiên chưa có đủ mái che [H3-3.3-01].

Mức 3:

Các phòng hành chính - quản trị chưa đủ số lượng và có một số phòng chưa đảm bảo diện tích theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN-3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Các phòng được trang bị đầy đủ các phương tiện, đồ dùng phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong công tác.

3. Điểm yếu

Một số phòng chưa đảm bảo diện tích theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN-3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Khu vực để xe nhân viên bên hông sân trường phía trên tường rào tiếp giáp với khu vực nhà cao tầng của các hộ dân chưa có lưới ngăn cách. Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên chưa có đủ mái che.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024, cán bộ quản lý tiếp tục giám sát việc duy trì và sử dụng tốt các trang thiết bị; hiệu trưởng lên kế hoạch bổ sung lưới phía trên tường rào bên hông sân trường khu vực để xe nhân viên tiếp giáp với khu vực nhà cao tầng của các hộ dân; trang bị mái che khu để xe cán bộ, giáo viên, nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Bếp ăn của nhà trường được xây dựng kiên cố với diện tích 82m² theo đúng quy định Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01]; [H3-3.4-01].
- b) Nhà trường không có kho thực phẩm, nguồn thực phẩm được cung cấp từ những công ty có thương hiệu, uy tín, đủ tư cách pháp nhân và sử dụng hết trong ngày [H3-3.1-01].
- c) Nhà bếp có tủ lạnh dùng để lưu mẫu thức ăn hằng ngày của trẻ, được nhân viên y tế và nhân viên nấu ăn theo dõi hằng ngày bằng hồ sơ lưu mẫu 03 bước theo Quyết định số 1246/QĐ-BYT về việc hướng dẫn thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh và dịch vụ ăn uống [H1-1.6-02]; [H3-3.4-01].

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại điều 29 Điều lệ trường mầm non với diện tích 82m², gồm có khu vực tiếp phẩm, sơ chế, xắt thái, chế biến và phân chia thức ăn, bếp được thiết kế và hoạt động theo quy trình bếp một chiều và được trang bị đầy đủ đồ dùng, dụng cụ chế biến thực phẩm bằng inox, đảm bảo vệ sinh phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường. Tuy nhiên, bếp ăn chưa được trang bị các thiết bị hiện đại như máy rửa chén, máy nước nóng [H3-3.1-01]; [H3-3.4-01].

Mức 3:

Bếp ăn của trường chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Bếp ăn được xây dựng kiên cố, theo quy trình bếp một chiều, hợp vệ sinh, nhà trường đã mua sắm đầy đủ dụng cụ, trang thiết bị phục vụ cho công tác nuôi dưỡng trẻ.

3. Điểm yếu

Bếp ăn chưa được trang bị các thiết bị hiện đại như máy rửa chén, máy nước nóng.

Bếp ăn của trường chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ tháng 12 năm học 2023 - 2024, cán bộ quản lý duy trì thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn thực phẩm, có kế hoạch phối hợp công tác xã hội hóa giáo dục trang bị, bổ sung đồ dùng hiện đại cho nhà bếp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học.

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định.

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H1-1.6-01]; [H3-3.5-01].

b) Nhà trường khuyến khích giáo viên sử dụng các nguyên vật liệu tái chế để làm đồ dùng, đồ chơi phục vụ hoạt động học tập, vui chơi của trẻ. Bên cạnh đó đồ chơi ngoài danh mục quy định đã được nhà trường trang bị đều trên nguyên tắc đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với từng lứa tuổi, nhằm phát huy tính sáng tạo ở trẻ [H3-3.5-02].

c) Hằng năm, các thiết bị được cán bộ, giáo viên, nhân viên kiểm kê cuối năm học vào sổ quản lý tài sản, sửa chữa và thay thế, bổ sung nâng cấp kịp thời đồ dùng, đồ chơi đã xuống cấp để đảm bảo an toàn cho trẻ trong khi sử dụng [H1-1.6-01].

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối Internet để phục vụ cho công tác quản lý và các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tại trường [H1-1.6-09].

b) Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non. Đầu năm học, nhà trường thường xuyên phát động các phong trào làm đồ dùng, đồ chơi trong đội ngũ giáo viên [H1-1.6-01].

c) Hằng năm, nhà trường thực hiện mua sắm, bổ sung thêm các thiết bị dạy học ngoài danh mục tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tổ chức hội thi làm đồ dùng đồ chơi phát huy sự sáng tạo của giáo viên và phục vụ cho các hoạt động của trẻ. Tuy nhiên, đồ chơi của giáo viên tự làm chưa đa dạng và chưa có độ bền cao [H1-1.6-01]; [H3-3.5-02].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được giáo viên khai thác và sử dụng hiệu quả trong các hoạt động dạy học, tổ chức vui chơi, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.6-01]; [H3-3.5-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đầu tư đủ đồ dùng, đồ chơi theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục quy định và đồ chơi tự làm đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ, được giáo viên khai thác, sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Đồ chơi của giáo viên tự làm chưa đa dạng và chưa có độ bền cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 11 năm 2023, hiệu trưởng tiếp tục đầu tư thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục để mua sắm, trang bị theo quy định đáp ứng nhu cầu hoạt động của trẻ và khuyến khích giáo viên tự làm đồ chơi phong phú, đa dạng và có độ bền hơn để phục vụ tốt nhu cầu vui chơi và học tập của trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên khô ráo, thoáng mát đảm bảo không ô nhiễm môi trường, thuận lợi cho việc sử dụng. Tuy nhiên, trường không có phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật [H3-3.6-01].

b) Hệ thống thoát nước, cống rãnh luôn thông thoáng đảm bảo vệ sinh môi trường; nguồn nước uống, nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ đảm bảo đủ, an toàn khi sử dụng [H3-3.1-01].

c) Nhà trường có hợp đồng thu gom rác với đơn vị vệ sinh môi trường Dịch vụ công ích; xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường như bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ để chứa đựng và phân loại rác, các dụng cụ này thuận tiện cho việc làm vệ sinh, khử trùng hằng ngày đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường [H3-3.6-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có phòng vệ sinh cho trẻ với tổng diện tích $103,5\text{m}^2$ (bình quân $0,32\text{m}^2/\text{trẻ}$), được xây dựng liền kề với phòng sinh hoạt chung thuận tiện cho trẻ. Phòng vệ sinh được trang bị chậu rửa, chậu xí, bồn tiểu đầy đủ, các thiết bị được lắp đặt phù hợp chiều cao của trẻ ở từng độ tuổi; khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí phù hợp, an toàn, thuận tiện khi sử dụng và phù hợp cảnh quan. Tuy nhiên, đồ dùng trong nhà vệ sinh một số lớp đôi khi sắp xếp chưa gọn gàng [H3-3.6-01].

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế, nhà trường sử dụng nguồn nước của Công ty cấp nước Gia Định đủ điều kiện cung cấp nước ăn uống và nước sinh hoạt [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03].

2. Điểm mạnh

Khu vực vệ sinh cho trẻ có đầy đủ các thiết bị đồ dùng. Có hệ thống nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác hằng ngày không gây ô nhiễm môi trường.

3. Điểm yếu

Trường không có phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật. Đồ dùng trong nhà vệ sinh một số lớp đôi khi sắp xếp chưa gọn gàng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024, hiệu trưởng tiếp tục ký hợp đồng với đơn vị vệ sinh môi trường Dịch vụ công ích, có kế hoạch phân công giám sát đảm bảo việc xử lý, thu gom rác đúng quy định; tăng cường công tác kiểm tra nhắc nhở kịp thời, duy trì việc sắp xếp đồ dùng vệ sinh gọn gàng đúng quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường được xây dựng kiên cố; khuôn viên được bao quanh bằng tường rào chắc chắn; số phòng tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi, các phòng được trang bị đầy đủ các phương tiện, đồ dùng phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong công tác. Bếp ăn được xây dựng kiên cố, được tổ chức

theo quy trình bếp một chiều. Nhà trường đầu tư đầy đủ đồ dùng, đồ chơi an toàn, phù hợp với trẻ, được giáo viên khai thác, sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn chưa đảm bảo quy định.

Phòng đa năng chưa đảm bảo diện tích yêu cầu. Nhà trường chưa có phòng riêng để trẻ học ngoại ngữ, tin học và các phòng chưa đảm bảo diện tích theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội nhằm đảm bảo sự đồng thuận trong thực hiện các hoạt động giáo dục, giúp đa dạng các nguồn lực xây dựng nhà trường theo hướng mở, đảm bảo môi trường giáo dục tốt nhất cho trẻ, đây là mối liên kết không thể thiếu giúp trẻ phát triển toàn diện. Xác định được tầm quan trọng của các mối quan hệ này, trường Mầm non 22 không ngừng chủ động phối hợp với cha mẹ trẻ và các ban ngành đoàn thể để tạo cho trẻ một môi trường giáo dục tốt nhất, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ban đại diện cha mẹ trẻ của nhà trường được thành lập và hoạt động theo đúng chức năng quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh. Đại hội cha mẹ học sinh tổ chức vào mỗi đầu năm học, sơ kết học kỳ và tổng kết năm học [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ trẻ của trường Mầm non 22 có xây dựng kế hoạch hoạt động của cha mẹ trẻ nhằm mục đích cùng nhà trường thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; tạo mọi điều kiện để trẻ được chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập, vui chơi, rèn luyện trong một môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện nhằm hình thành và phát triển nhân cách toàn diện cho trẻ em, qua đó tăng cường mối quan hệ giữa cha mẹ trẻ với giáo viên và nhà trường, tham gia góp ý, xây dựng nội dung chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, đề xuất các biện pháp, giải pháp góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và đảm bảo an toàn cho trẻ [H4-4.1-01].

c) Ban đại diện cha mẹ trẻ tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đảm bảo đúng tiến độ, chủ động phối hợp với nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ. Sau mỗi học kỳ và cuối năm học đều có báo cáo sơ kết, tổng kết gửi đến cha mẹ trẻ trong buổi họp lớp [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ trẻ thường xuyên quan tâm đến các hoạt động, phong trào của lớp, của trường; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ. Kết hợp chặt chẽ với nhà trường cũng

như Ban đại diện cha mẹ các lớp đẩy mạnh hoạt động, góp phần vào trong các phong trào chung của nhà trường. Tuy nhiên, còn 8% cha mẹ trẻ chưa tham gia đầy đủ các buổi họp định kỳ của nhà trường [H4-4.1-01].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, phối hợp với giáo viên trong việc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ, khuyến khích trẻ đi học đầy đủ, đúng giờ. Đặc biệt là trong công tác xã hội hoá giáo dục quyên góp, ủng hộ về kinh phí để xây dựng trường ngày một khang trang, sạch, đẹp [H3-3.1-02]; [H4-4.1-01].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ được thành lập và hoạt động theo đúng chức năng quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh; Ban đại diện cha mẹ trẻ tham gia tích cực các phong trào của lớp, của trường; thường xuyên hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

8% cha mẹ trẻ chưa tham gia đầy đủ các buổi họp định kỳ của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 11 năm học 2023 - 2024, cán bộ quản lý và giáo viên các lớp tiếp tục duy trì và phối hợp có hiệu quả hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục.

Thực hiện tốt thông tin hai chiều giữa cha mẹ trẻ với giáo viên lớp để góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Đồng thời chỉ đạo giáo viên tăng cường công tác tuyên truyền tới cha mẹ trẻ để đảm bảo các buổi họp cha mẹ trẻ tham gia đầy đủ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

- a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;
- b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;
- c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

- a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.
- b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hằng năm, căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ và tình hình thực tế, nhà trường chủ động tham mưu, đề xuất với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường trong công tác huy động trẻ trong độ tuổi mầm non ra lớp [H1-1.1-04].

b) Nhà trường có các biện pháp và hình thức để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường với Ban đại diện cha mẹ trẻ với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa

phương để thực hiện kế hoạch giáo dục, huy động trẻ mầm non ra lớp. Hỗ trợ các phong trào, hội thi do địa phương tổ chức [H4-4.2-01].

c) Trong 05 năm qua nhà trường đã huy động và phối hợp với Ban đại diện cha mẹ trẻ để trang bị mái che sân chơi, đồ chơi liên hoàn ngoài trời cho trẻ, cây xanh tạo môi trường cảnh quan sạch đẹp. Tuy nhiên, sức huy động đóng góp của các cha mẹ trẻ chưa cao do đặc thù của địa bàn có đông dân cư, thành phần lao động là buôn bán tự do, thu nhập cá nhân còn thấp [H3-3.1-02]; [H4-4.1-01].

Mức 2:

a) Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển như: xem xét hồ sơ kết nạp quần chúng ưu tú vào đảng, phối hợp với địa phương huy động trẻ 5 tuổi ra lớp [H1-1.1-04].

b) Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương: Bé đến trường; Trung Thu; Ngày nhà giáo Việt Nam; Noel; Mừng xuân; Tổng kết năm học [H4-4.2-02].

Mức 3:

Nhà trường có tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức cá nhân nhằm thực hiện nếp sống văn minh, môi trường văn hóa lành mạnh, xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục ở địa phương [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn tham mưu và chủ động phối hợp với tổ chức Đảng, chính quyền đoàn thể địa phương huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để thực hiện mục tiêu, nội dung kế hoạch giáo dục, xây dựng môi trường lành mạnh cho trẻ.

3. Điểm yếu

Sức huy động đóng góp của các cha mẹ trẻ chưa cao do đặc thù của địa bàn có đông dân cư, thành phần lao động là buôn bán tự do, thu nhập cá nhân còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 11 năm 2023 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phát huy sự chủ động, tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể, cá nhân, tổ chức doanh nghiệp ở địa phương để tăng cường huy động các nguồn lực tham gia xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường ngày một khang trang, hiện đại hơn, hỗ trợ nhà trường nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ và hoạt động đúng theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Đảng ủy và chính quyền địa phương luôn quan tâm, có những chính sách phù hợp và tạo mọi điều kiện cho nhà trường phát triển, đồng thời thực hiện mục tiêu, nội dung kế hoạch giáo dục.

Điểm yếu cơ bản:

8% cha mẹ trẻ chưa tham gia đầy đủ các buổi họp định kỳ của nhà trường.

Sức huy động đóng góp của các cha mẹ trẻ chưa cao do đặc thù của địa bàn có đông dân cư, thành phần lao động là buôn bán tự do, thu nhập cá nhân còn thấp.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu

Giáo dục mầm non là nền tảng và bậc học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân. Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non tốt sẽ có tác động rất lớn đến chất lượng giáo dục ở bậc học tiếp theo. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ là mục tiêu cơ bản, nhiệm vụ hàng đầu của trường Mầm non 22, nhằm giúp trẻ được phát triển toàn diện về

thể chất, ngôn ngữ, nhận thức, tình cảm, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách và chuẩn bị tâm thế cho trẻ vào lớp Một.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng.*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

- a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương.*
- b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường có tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, riêng khối Lá có sử dụng thêm Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi trong việc lập kế hoạch theo phần mềm Gokids phù hợp từng độ tuổi và khả năng của trẻ [H1-1.8-02]; [H5-5.1-01].

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với quy định về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh, với điều kiện thực tế nhà trường, thông qua các tiết dự giờ hằng tháng, các buổi sinh hoạt chuyên môn tổ của trường, tiết thao giảng chuyên đề trọng tâm của từng năm học [H1-1.4-08]; [H1-1.6-03]; [H5-5.1-02].

c) Trong quá trình thực hiện, sau mỗi chủ đề, mỗi tháng, trong các đợt sinh hoạt chuyên môn định kỳ, nhà trường và giáo viên các nhóm, lớp tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non để có sự điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Qua đó đánh giá, rút kinh nghiệm để có hướng bồi dưỡng tay nghề cho giáo viên, nhân viên nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.4-06]; [H1-1.6-03].

Mức 2:

a) 19/19 giáo viên (tỷ lệ 100%) có tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đúng theo kế hoạch giáo dục, đảm bảo chất lượng [H1-1.6-03]; [H5-5.1-02].

b) Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng, hướng dẫn giáo viên biết lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục nhằm phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ như lồng ghép các làn điệu dân ca, các trò chơi dân gian cho trẻ tìm hiểu về các di tích văn hóa, lịch sử của địa phương... một cách phù hợp. Tuy nhiên, còn 05/19 giáo viên chưa tích cực thảo luận, chia sẻ, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ cùng đồng nghiệp, còn ngại nêu thắc mắc những vấn đề chưa rõ trong việc thực hiện Chương trình giáo dục [H1-1.8-02]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở học tập các phương pháp dạy học STEM đúng quy định, áp dụng hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và địa phương. Bên cạnh đó, cán bộ quản lý cũng thường xuyên nghiên cứu tài liệu về

chương trình giáo dục trẻ của các nước để học tập và hướng dẫn giáo viên thực hiện thông qua hoạt động chơi, làm đồ dùng dạy học và áp dụng vào tiết học một cách hiệu quả [H1-1.4-07].

b) Hằng năm, cán bộ quản lý, giáo viên có tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non. Từ đó, có biện pháp để điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ thông qua báo cáo hằng tháng và triển khai trong các buổi họp [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá theo định kỳ và có biện pháp điều chỉnh kịp thời phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và địa phương nhằm giúp giáo viên, nhân viên thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

05/19 giáo viên chưa tích cực thảo luận, chia sẻ, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ cùng đồng nghiệp, còn ngại nêu thắc mắc những vấn đề chưa rõ trong việc thực hiện chương trình giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024, nhà trường tiếp tục thực hiện tốt và phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, theo đúng kế hoạch đề ra. Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục và tổ trưởng chuyên môn sâu sát, giúp đỡ, bồi dưỡng, tạo điều kiện động viên, khuyến khích giáo viên cùng nhau chia sẻ, trao đổi những thắc mắc để học tập và nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường ngày một tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) *Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

b) *Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

c) *Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) *Đội ngũ giáo viên dựa vào nội dung Chương trình giáo dục mầm non, mục tiêu cuối độ tuổi, bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi để lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của trẻ, từ đó xây dựng kế hoạch với các hoạt động, phương pháp phù hợp với mục tiêu và khả năng của trẻ, phù hợp điều kiện nhà trường [H1-1.8-02]; [H5-5.1-01].*

b) *Môi trường giáo dục của các lớp luôn tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm với phương châm “Lấy trẻ làm trung tâm”. Giáo viên nghiên cứu, lựa chọn xây dựng môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm đảm bảo an toàn [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01].*

c) *Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế để tổ chức các hoạt động lễ hội như: Bé đến trường; Bé vui Trung thu; Bé chúc mừng cô 20/11; Bé vui Noel; Bé đón Xuân; Bé mừng mẹ và cô ngày 8 tháng 3; Lễ tổng kết năm học; Lễ ra trường các bé 5 tuổi [H4-4.2-02]; [H5-5.2-01].*

Mức 2:

Thông qua các hoạt động trong ngày, giáo viên tổ chức cho trẻ thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú và điều kiện thực tế của nhà trường. Tuy nhiên, 06/19 giáo viên chưa linh hoạt trong tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ [H1-1.8-01]; [H5-5.1-02].

Mức 3:

Môi trường trong và ngoài lớp học được trang bị các đồ dùng, đồ chơi đa dạng, phong phú, hấp dẫn, thu hút trẻ, sắp xếp và bố trí hợp lý phù hợp nhu cầu, khả năng của trẻ nhằm gây hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “Chơi mà học, học bằng chơi” [H5-5.2-01].

2. Điểm mạnh

Giáo viên có kỹ năng xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tích cực tham gia các hoạt động góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

3. Điểm yếu

06/19 giáo viên chưa linh hoạt trong tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng quan tâm bồi dưỡng chuyên môn cho 06 giáo viên chưa linh hoạt trong tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ bằng các hình thức như: tăng cường cho 06 giáo viên tham gia dự giờ đồng nghiệp để học hỏi, rút kinh nghiệm, thường xuyên thăm lớp dự giờ kiểm tra nắm bắt việc tổ chức các hoạt động cho trẻ của 06 giáo viên, đồng viên khuyến khích 06 giáo viên chủ động, linh hoạt hơn trong tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ. Xây dựng môi trường giáo dục theo hướng phát triển tính chủ động, sáng tạo của trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ.

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định.

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường phối hợp với Trung tâm Y tế quận Bình Thạnh và Trạm Y tế Phường 22 trong việc tổ chức hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ: 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, tổ chức cho trẻ dưới 36 tháng tuổi uống vitamin A [H5-5.3-01].

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định (trẻ bình thường theo dõi hàng quý, trẻ thừa cân, béo phì, suy dinh dưỡng, trẻ dưới 24 tháng theo dõi hàng tháng) [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp và tích cực nhằm giúp trẻ khỏe mạnh, cơ thể hài hòa cân đối.

Đối với trẻ suy dinh dưỡng: tăng cường thêm bữa phụ như phô mai, uống sữa, xây dựng thực đơn giàu dinh dưỡng, tổ chức các hoạt động cho trẻ tắm nắng hằng ngày; đối với trẻ thừa cân, béo phì: tăng cường cho trẻ vận động vào giờ thể dục sáng, hoạt động giữa giờ, thực hiện cho trẻ ăn thêm rau, tuyên truyền với cha mẹ cho trẻ uống sữa ít béo, ăn trái cây. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học [H1-1.6-02]; [H5-5.3- 02].

Năm học	Số trẻ suy dinh dưỡng			Số trẻ dư cân béo phì		
	Đầu vào/ Tổng số trẻ	Phục hồi	Tỷ lệ	Đầu vào	Phục hồi	Tỷ lệ
2018 - 2019	04/244	01/04	25%	14/244	02/14	14,28%
2019 - 2020	00	00	00	13/234	00	00
2020 - 2021	00	00	00	16/193	1/16	6,25%
2021 - 2022	02/256	01/02	50 %	18/256	1/18	5,5%
2022 - 2023	14/300	13/14	92,8%	40	29/40	72,5%

Mức 2:

a) Hằng năm, nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ về các vấn đề về sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ thông qua các buổi họp cha mẹ trẻ trong năm học và trong giờ đón, trả trẻ, qua các buổi nói chuyện chuyên đề, tư vấn [H4-4.1-02].

b) Nhà trường thực hiện việc xây dựng thực đơn, tính khẩu phần dinh dưỡng và tổ chức tốt đời sống giờ ăn; chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định [H1-1.6-02].

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng chế độ ăn và luyện tập phù hợp cải thiện so với đầu năm học. Tuy nhiên, tỷ lệ phục hồi trẻ thừa cân béo phì còn thấp. [H1-1.6-02].

Mức 3:

Trong những năm học qua, toàn trường có từ 92 - 94% số trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường, mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ. Tuy nhiên, hiện tại nhà trường chưa đạt mức 95% [H5-5.3-02].

Năm học	Số trẻ bình thường/tổng số trẻ	Tỷ lệ % trẻ sức khỏe bình thường
2018 - 2019	227/244	93,03%
2019 - 2020	221/234	94,44%
2020 - 2021	178/193	92,22%
2021 - 2022	238/256	92,96%
2022 - 2023	277/300	92,33%

2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp tốt với cơ sở y tế địa phương để tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ. 100% trẻ được theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Thực hiện tuyên truyền đến cha mẹ trẻ về các hoạt động trong ngày của trẻ ở trường và các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ và có 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp kịp thời.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ phục hồi trẻ thừa cân béo phì còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng xây dựng thực đơn, khẩu phần cân đối hợp lý giữa các chất đạm, béo, đường để đảm bảo dinh dưỡng tốt hơn cho trẻ; duy trì các biện pháp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ theo khoa học. Đồng thời tăng cường các hoạt động vận động cho trẻ thừa cân, béo phì. Tuyên truyền với cha mẹ trẻ phối hợp cùng nhà trường về chế độ ăn và vận động tại nhà để góp phần giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì và tăng tỷ lệ trẻ phát triển khỏe mạnh, chiều cao và cân nặng bình thường lên 95%.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi.

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%.

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%.

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt tỷ lệ 95%. Đối với trẻ dưới 5 tuổi đạt tỷ lệ 90% [H1-1.5-01].

Độ tuổi	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
18-24 tháng	00	00	00	85,3%	87,38%
24-36 tháng	90,18%	87,6%	88%	87,4%	88,13%
3-4 tuổi	92,32%	91,1%	91,7%	92,6%	92,08%

4-5 tuổi	93,25%	90,19	91,11%	93,05%	91,14%
5-6 tuổi	94,9%	95,63	96,9%	95,34%	95,12%

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non luôn đạt 100% [H5-5.4-01].

c) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-02].

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt 95%, trẻ dưới 5 tuổi đạt 90%. Tuy nhiên, tỷ lệ chuyên cần của lứa tuổi nhà trẻ so với các lứa tuổi khác đạt chưa cao (87%) vì sức đề kháng của trẻ còn yếu nên đi học chưa đều [H1-1.5-01].

b) 100% trẻ 5 tuổi tại trường hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H5-5.4-01].

c) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-02].

Mức 3:

a) 100% trẻ 5 tuổi tại trường hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H5-5.4-01].

b) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Trẻ 5 tuổi luôn đạt tỷ lệ chuyên cần 95% và hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non, tỷ lệ 100%.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ chuyên cần của lứa tuổi nhà trẻ so với các lứa tuổi mẫu giáo trong nhà trường đạt chưa cao (87%).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024, cán bộ quản lý chỉ đạo giáo viên, nhân viên nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng trẻ, phòng dịch, phòng bệnh tốt cho trẻ để trẻ ít bị bệnh, đồng thời động viên cha mẹ trẻ kiên trì cùng phối hợp với nhà trường trong công tác chăm sóc trẻ, động viên cha mẹ trẻ đưa trẻ nhà trẻ đi học đầy đủ, nâng tỷ lệ chuyên cần của trẻ nhà trẻ lên 90%.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá theo định kỳ và có biện pháp điều chỉnh kịp thời phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và địa phương. Giáo viên có kỹ năng xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ. Nhà trường phối hợp tốt với cơ sở y tế địa phương để tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ. 100% trẻ được theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Thực hiện tuyên truyền đến cha mẹ trẻ về các hoạt động trong ngày của trẻ ở trường và các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ và 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp kịp thời.

Điểm yếu cơ bản:

05/19 giáo viên chưa tích cực thảo luận, chia sẻ, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ cùng đồng nghiệp, còn ngại nêu thắc mắc những vấn đề chưa rõ trong việc thực hiện chương trình giáo dục.

06/19 giáo viên chưa linh hoạt trong tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

Nhà trường chưa đạt mức 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

Tỷ lệ chuyên cần của lứa tuổi nhà trẻ so với lứa tuổi mẫu giáo trong nhà trường đạt chưa cao (87%).

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Thực hiện quy trình kiểm định chất lượng trường mầm non, trường Mầm non 22 đã triển khai và tiến hành công tác tự đánh giá để tự xem xét về hiện trạng và hiệu quả các hoạt động giáo dục, qua đó chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí trong các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Công tác tự đánh giá không chỉ giúp nhà trường có cái nhìn tổng quát về thực trạng chất lượng các hoạt động giáo dục mà còn giúp nhà trường hiểu rõ mức độ yêu cầu cần đạt được của từng chỉ báo, từng tiêu chí cụ thể. Việc xác định rõ điểm mạnh, điểm yếu giúp nhà trường có kế hoạch cải tiến chất lượng thích hợp hơn nhằm đạt mục tiêu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

Với mục tiêu xây dựng và phát triển nhà trường ngày càng vững mạnh, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và các cháu trường Mầm non 22 không ngừng cố gắng duy trì và phát huy những điểm mạnh. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, cán bộ quản lý đã có sự quan tâm, chỉ đạo các hoạt động quản lý tài chính, cơ sở vật chất, cũng như phối hợp tốt với các lực lượng tổ chức xã hội trong và ngoài nhà trường, góp phần vào việc chăm sóc, giáo dục trẻ đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện nay.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt:

+ Mức 1:

* Các tiêu chí đạt: 25/25, tỷ lệ: 100%

* Các tiêu chí không đạt: 00/25, tỷ lệ: 00%

+ Mức 2:

* Các tiêu chí đạt: 15/25, tỷ lệ: 60%

* Các tiêu chí không đạt: 10/25, tỷ lệ: 40%

+ Mức 3:

* Các tiêu chí đạt: 02/19, tỷ lệ: 10,53%

* Các tiêu chí không đạt: 17/19, tỷ lệ: 89,47%

- Mức đánh giá của trường Mầm non 22: Mức 1.

- Trường Mầm non 22 đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Bình Thạnh, ngày 15 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Phần IV. PHỤ LỤC

Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển nhà trường	Nhiệm kỳ 2018 - 2023; 2020 - 2025	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Hình ảnh bảng tin phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển nhà trường	Nhiệm kỳ 2018 - 2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	3	[H1-1.1-03]	Hình ảnh đường truy cập vào Cổng thông tin điện tử về phương hướng chiến lược, website của trường	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	4	[H1-1.1-04]	Kế hoạch năm học, kế hoạch tháng của nhà trường.	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng

			Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của nhà trường			
	5	[H1-1.1-05]	Hồ sơ Hội đồng trường	Nhiệm kì 2018 - 2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	6	[H1-1.1-06]	Biên bản đánh giá chiến lược phát triển nhà trường	Nhiệm kì 2018 - 2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng.
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Hồ sơ Hội đồng thi đua, khen thưởng	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.2-02]	Hồ sơ chấm thi giáo viên giỏi cấp trường	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	3	[H1-1.2-03]	Hồ sơ xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ Công đoàn	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Chủ tịch Công đoàn	Chủ tịch Công đoàn
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ Chi đoàn	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Bí thư Chi đoàn	Bí thư Chi đoàn
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ Hội khuyến học	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng

Tiêu chí 1.4	4	[H1-1.3-04]	Hồ sơ Hội chữ thập đỏ	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	5	[H1-1.3-05]	Hồ sơ Chi bộ	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó Bí thư Chi bộ	Phó Bí thư Chi bộ
	1	[H1-1.4-01]	Hồ sơ cá nhân Hiệu trưởng	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.4-02]	Hồ sơ cá nhân Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	3	[H1-1.4-03]	Hồ sơ cá nhân Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	4	[H1-1.4-04]	Đề án vị trí việc làm	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	5	[H1-1.4-05]	Hồ sơ quản lý nhân sự	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	6	[H1-1.4-06]	Hồ sơ tổ chuyên môn	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Tổ trưởng chuyên môn	Tổ chuyên môn

	7	[H1-1.4-07]	Biên bản họp tổ văn phòng	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Tổ văn phòng	Văn phòng
	8	[H1-1.4-08]	Hồ sơ thực hiện chuyên đề trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Hồ sơ học sinh	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.5-02]	Sổ điểm danh	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ tài chính, tài sản	Từ năm 2018 đến năm 2023	Kế toán	Phòng kế toán
	2	[H1-1.6-02]	Hồ sơ quản lý bán trú	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	3	[H1-1.6-03]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	4	[H1-1.6-04]	Hồ sơ Nghị quyết 03	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng

	5	[H1-1.6-05]	Hồ sơ quy chế dân chủ	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	6	[H1-1.6-06]	Hồ sơ đánh giá công chức viên chức	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	7	[H1-1.6-07]	Hồ sơ y tế	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Nhân viên y tế	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	8	[H1-1.6-08]	Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	9	[H1-1.6-09]	Hợp đồng các công ty phần mềm	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Hồ sơ đào tạo bồi dưỡng	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.7-02]	Hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên của nhà trường	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	3	[H1-1.7-03]	Hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên của giáo viên	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Giáo viên	Giáo viên
	4	[H1-1.7-04]	Sổ hợp cán bộ quản lí, sổ	Năm học 2018 - 2019	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng

			hợp liên tịch, sở hợp Hội đồng sư phạm	đến 2022 - 2032		
	5	[H1-1.7-05]	Hợp đồng lao động, khám sức khỏe cán bộ, giáo viên, nhân viên Bảo hiểm xã hội y tế, bảo hiểm tai nạn	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Kế toán	Phòng kế toán
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch năm, tháng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Hai Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	[H1-1.8-02]	Kế hoạch Mind của giáo viên	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Giáo viên	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	3	[H1-1.8-03]	Biên bản kiểm tra công tác nuôi, dạy của Phòng giáo dục	Năm học 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Hồ sơ Hội nghị Cán bộ công chức	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng

	2	[H1-1.9-02]	Hồ sơ Ban thanh tra nhân dân	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Trưởng Ban thanh tra nhân dân	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Hồ sơ an ninh trật tự	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.10-02]	Phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	3	[H1-1.10-03]	Phương án phòng chống tai nạn thương tích	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	4	[H1-1.10-04]	Phương án phòng chống cháy nổ, biên bản tập huấn	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	5	[H1-1.10-05]	Phương án phòng chống thảm họa thiên tai	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	6	[H1-1.10-06]	Phương án phòng chống dịch bệnh	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	7	[H1-1.10-07]	Phương án phòng chống tệ nạn xã hội, bạo lực nhà trường	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng

	8	[H1-1.10-08]	Hình chụp hộp thư góp ý, số điện thoại của hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng, lịch tiếp công dân	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ đánh giá xếp loại chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Hồ sơ thiết kế xây dựng trường	Năm 1994	Ủy Ban nhân dân quận Bình Thạnh	Phòng hiệu trưởng
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh khuôn viên trường lớp, biển tên trường, vườn cây của trẻ, đồ chơi ngoài trời	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi các lớp,	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục

			phòng thể dục			
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh trang thiết bị các phòng làm việc: Văn phòng, phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng nhân viên, khu để xe	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh nhà bếp, tủ lưu mẫu	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Danh mục đồ dùng đồ chơi các lớp	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	2	[H3-3.5-02]	Hình ảnh đồ dùng, đồ chơi tự làm	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Hình ảnh khu vực nhà vệ sinh trẻ. Nhà vệ sinh giáo viên	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục

	2	[H3-3.6-02]	Hộp đồng thu gom rác	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	3	[H3-3.6-03]	Hóa đơn thanh toán tiền nước	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Kế toán	Phòng kế toán
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ trẻ	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Hình ảnh bản tin tuyên truyền trường, lớp	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	2	[H4-4.2-02]	Hình ảnh các ngày lễ hội	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Bộ chuẩn đánh giá trẻ 5 tuổi	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	2	[H5-5.1-02]	Phiếu đánh giá hoạt động của giáo viên	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Hình ảnh trẻ hoạt động trên môi trường trong và ngoài lớp, góc chơi	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục

Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Sổ theo dõi sức khỏe trẻ	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	2	[H5-5.3-02]	Sổ lưu cân	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Hồ sơ phổ cập trẻ 5 tuổi	Năm học 2018 - 2019 đến 2022 - 2032	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng